

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 5 - 2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Nguyễn Văn Xô

2. Bà Đinh Thị Tin

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị T, sinh năm 1987. ĐKKH: S, phường T, thị xã K, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: phường H, thị xã K, tỉnh H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: S, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1960; Địa chỉ: Trại Mới, phường H, thị xã K, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Văn T vào ngày 13/9/2007, được đăng ký kết hôn tại UBND phường T trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh T không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, mà còn thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Năm 2020, chị đã làm đơn xin ly hôn anh T, nhưng suy nghĩ vì các con, nên chị đã rút đơn về đoàn tụ, song anh T không thay đổi, cuối năm 2020 chị phải làm thủ tục xuất khẩu lao động tại Nhật. Quá trình chị đi lao động tại Nhật

anh T càng chơi bời, liên tục gọi điện yêu cầu chị gửi tiền chu cấp, chị không đáp ứng được nên kể từ năm 2022 chị đã cắt đứt liên lạc với anh T. Cuối năm 2023, hết hạn lao động chị về nước, chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở phường H, K ở, mọi quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T hoàn toàn bị cắt đứt từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Anh Vũ Văn T trình bày: Anh kết hôn cùng chị Bùi Thị T trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã K, tỉnh H vào ngày 13/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận tại phường T, K, H. Cho đến năm 2020, do chị T đi nước ngoài lao động nên tình cảm vợ chồng xa cách, chị T liên lạc với anh được một thời gian, sau thì chị T chỉ liên lạc với các con. Cuối năm 2023 chị T về nước, nhưng chị không về nhà chung sống cùng anh mà về nhà ngoại ở. Nay chị T xin ly hôn, anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, còn nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì tùy quyền quyết định của chị T.

Về con chung: Chị T, anh T có 02 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc K, sinh ngày 23/10/2008 và cháu Vũ Thị Bảo Y, sinh ngày 25/6/2013. Chị T và anh T đều đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu ở với anh chị, thì anh chị đều không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu Vũ Thị Ngọc K có nguyện vọng xin được ở cùng chị T, còn cháu Vũ Thị Bảo Y có nguyện vọng xin được ở cùng anh T.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường T cung cấp: Chị T và anh T kết hôn với nhau ngày 13 tháng 9 năm 2007 được đăng ký kết hôn tại UBND phường T. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn, hiện chị T không chung sống cùng anh T. Nay chị T xin ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng con chung, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh T có mặt và xác định: Về quan hệ vợ chồng giữa anh và chị T đã xảy ra mâu thuẫn, nay chị T giữ quan điểm ly hôn thì anh cũng không còn níu kéo nữa, tuy nhiên chị T cần giải quyết với anh dứt điểm về tài sản chung của vợ chồng; Về con chung, anh không có quan điểm trình bày thêm. Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng

khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Vũ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Ngọc K, sinh ngày 23/10/2008 cho chị Bùi Thị T và giao cháu Vũ Thị Bảo Y, sinh ngày 25/6/2013 cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của đôi bên, không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T đối với anh Vũ Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại S, phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử chị Bùi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Bùi Thị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T kết hôn với anh Vũ Văn T trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị T đề nghị xin ly hôn anh T, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ và trách nhiệm đối với nhau, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Quá trình Tòa án giải quyết chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, anh T cũng xác định vợ chồng mâu thuẫn và không còn mong muốn níu kéo cùng chị T. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Vũ Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Thị Ngọc K, sinh ngày 23/10/2008 và cháu Vũ Thị Bảo Y, sinh ngày 25/6/2013. Xét đề nghị nuôi dưỡng con chung của các bên phù hợp với nguyện vọng nuôi dưỡng con của các cháu. Nên cần chấp nhận giao cháu Vũ Thị Ngọc K cho chị T và giao cháu Vũ Thị Bảo Y cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án. Tại phiên tòa, anh T đề nghị chị T cần giải quyết dứt điểm với anh về tài sản chung của vợ chồng. Xét yêu cầu của anh T trong vụ án đã vượt quá quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không được chấp nhận. Do vậy, không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Vũ Thị Ngọc K, sinh ngày 23/10/2008 cho chị Bùi Thị T và cháu Vũ Thị Bảo Y, sinh ngày 25/6/2013 cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu K, Y đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị T và anh Vũ Văn T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên

lai thu tiền số: 0002306 ngày 27/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***N-i nhĒn:***

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**